

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tăng nhẹ theo diễn biến tích cực của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

BID

[Cập nhật công ty]

PNJ, DIG

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục ưu tiên tập trung cho các vị thế ngắn hạn, trái chốt lời một phần đối với các mã tăng vượt đỉnh đạt kỳ vọng và mua trading trở lại khi điều chỉnh về lại hỗ trợ

21/05/2021

	Chi số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,283.93	+0.45
VN30	1,425.04	+0.01
HĐTL VN30F1M	1,414.00	-0.76
HNXIndex	297.99	+0.98
HNX30	447.06	+0.96
UPCoM	81.63	+2.36
USD/VND	23,052	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.34	-0
Lãi suất qua đêm (%)	1.10	+18
Dầu (WTI, \$)	61.73	-0.52
Vàng (LME, \$)	1,876.44	-0.04

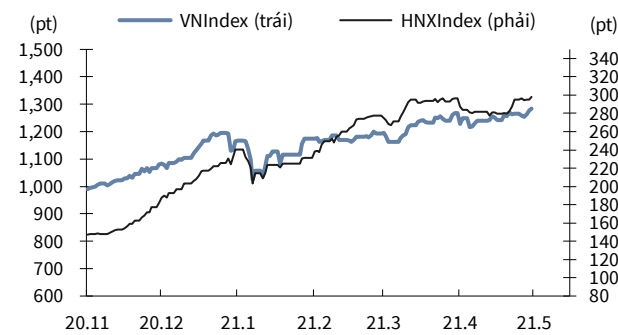


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,283.93 (+0.45%)
KLGD (triệu CP)	654.2 (-3.9%)
GTGD (triệu U\$)	1,026.7 (+4.1%)
HNXIndex	297.99 (+0.98%)
KLGD (triệu CP)	133.3 (+3.4%)
GTGD (triệu U\$)	135.3 (+22.1%)
UPCoM	81.63 (+2.36%)
KLGD (triệu CP)	116.1 (+84.2%)
GTGD (triệu U\$)	53.5 (+38.1%)
NĐTNN mua ròng (triệu U\$)	-7.6

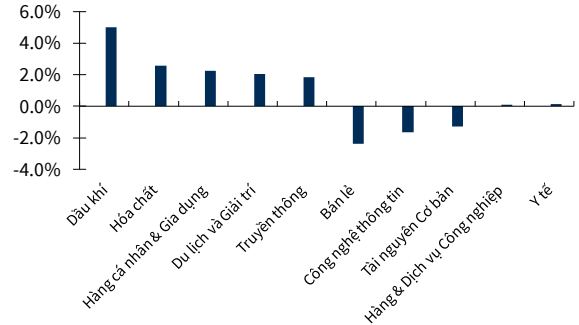
TTCK Việt Nam tăng điểm tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới. Theo Robobank, ngành tôm thế giới sẽ có một năm ổn định và phục hồi đặc biệt tại thị trường Mỹ sau khi nhiều người dân được tiêm chủng và doanh số bán lẻ tăng tác động tích cực đến cổ phiếu nhóm thủy sản ở FMC (+4.7%), MPC (+1.7%). Nhà cung ứng của Samsung tại Bắc Giang được chấp thuận quay trở lại sản xuất nếu đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch giúp giảm bớt lo ngại nhiều khi công nghiệp tạm thời đóng cửa hỗ trợ cổ phiếu nhóm bất động sản khu công nghiệp ở KBC (+6.8%), CEO (+2.2%). Công ty phân tích dữ liệu hàng đầu thế giới - GlobalData, nhận định trong giai đoạn 2021-2025, sản lượng quặng sắt toàn cầu sẽ tăng trung bình 3.7%/năm, lên 2,663.4 triệu tấn, sau khi giảm trong năm 2020 (giảm 3%) xuống 2.2 tỷ tấn khiến cổ phiếu ngành thép giao dịch tiêu cực hơn thị trường chung HPG (-1.5%), NKG (-1.3%). Khối ngoại bán ròng tại HPG (-1.5%), VIC (-0.3%), STB (-1.9%).

VNIndex & HNXIndex



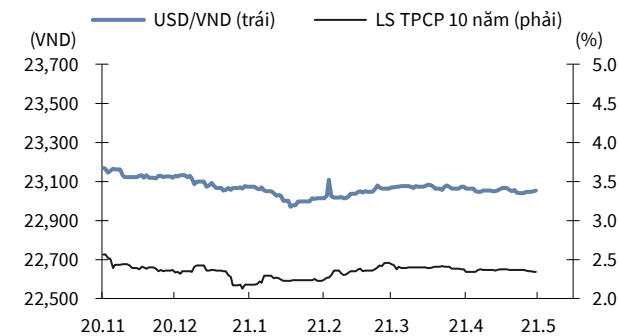
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

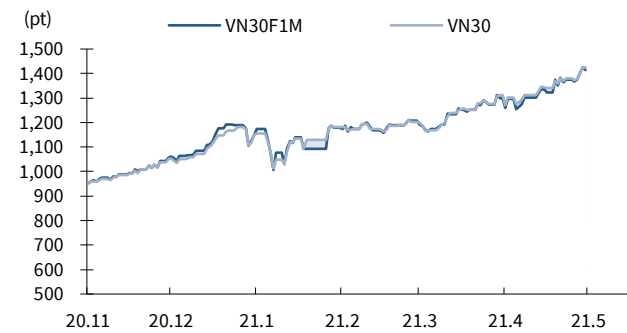
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30 1,425.04 (+0.01%)
VN30F1M 1,414.0 (-0.76%)
Mở cửa 1,412.4
Cao nhất 1,423.0
Thấp nhất 1,406.4

HĐTL tăng nhẹ theo diễn biến tích cực của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2106 và VN30 mở cửa ở mức -11.8 và giao động trong biên độ -12.3 và -5.1, đóng cửa ở mức -11.04. NĐTNN bán ròng trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ.

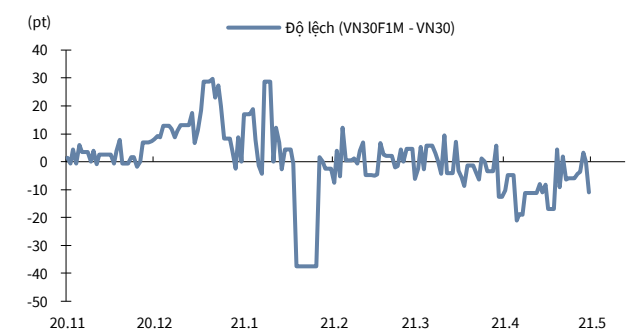
KLGD (HĐ) 192,292 (+9.7%)

HĐTL VN30F1M & VN30



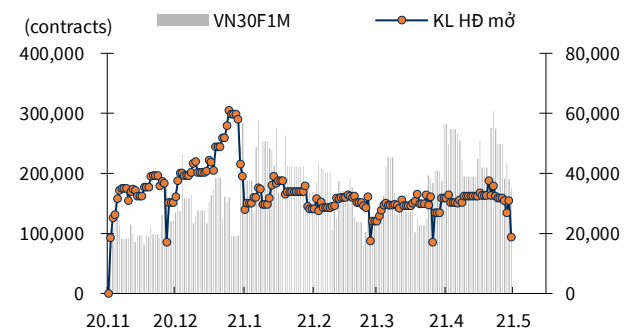
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



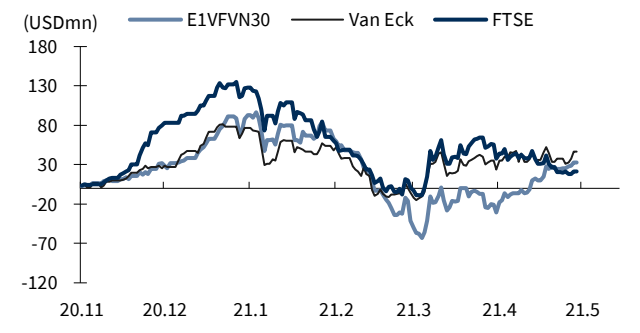
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

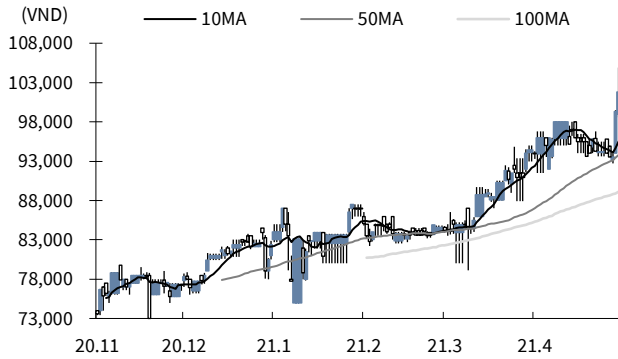
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Công ty vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ)

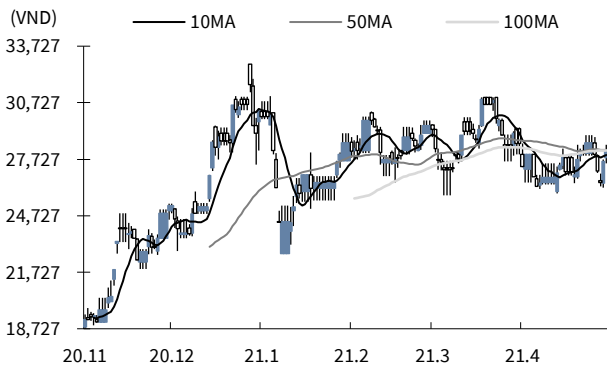


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PNJ tăng 2.5% lên 101,800 VNĐ/cp.

- PNJ thông báo lợi nhuận 85 tỷ đồng, tăng so với mức lỗ 102 tỷ đồng tháng 4/2020 và doanh thu thuần tháng 4 đạt 1,851 tỷ đồng, gấp 3.7 lần cùng kỳ năm trước. Số lượng cửa hàng tại thời điểm cuối tháng 4 là 340 bao gồm 306 cửa hàng PNJ Gold, 27 cửa hàng PNJ Silver, 3 cửa hàng CAO, 2 cửa hàng Style và 69 PNJ Watch theo mô hình shop in shop.

DIC Corp (DIG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DIG tăng 2% lên 28,150 VNĐ/cp.

- DIG thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2020 là 9/6, tỷ lệ thực hiện 17%. Doanh nghiệp dự kiến phát hành thêm 59.6 triệu cổ phiếu để trả cổ tức đợt này, nguồn thực hiện từ lợi nhuận sau thuế.

BIDV (BID)

1Q2021, LNST tăng 88.4% YoY

Chuyên viên phân tích Tài chính & Công nghệ

Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

21/05/2021

1Q2021, LNST đạt 2,722 tỷ VND, tăng 88.4% YoY

1Q2021, BID có kết quả kinh doanh tăng trưởng tích cực với LNST 1Q2021 đạt 2,722 tỷ VND, tăng 88.4% YoY. Dư nợ cho vay khách hàng tiếp tục duy trì đà tăng (+1.6% QoQ, +11.6% YoY)

NIM 1Q2021 đạt 2.65%, tăng 5 bps QoQ

NIM 1Q2021 đạt 2.65% (-14 bps YoY, +5 bps QoQ) do: (1) lãi suất bình quân đầu ra giảm 97 bps YoY do BID chủ động giảm lãi vay hỗ trợ các doanh nghiệp ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; (2) Các khoản nợ chính phủ và NHNN giảm mạnh 58.5% YoY khiến lãi suất đầu vào bình quân chỉ giảm 66 bps YoY.

Tỷ lệ nợ xấu 1Q2021 đạt 1.76%, tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 107.6%

Tỷ lệ nợ xấu 1Q2021 đạt 1.76%, không thay đổi so với quý trước. Trong kì, BID trích lập 7,172 tỷ VND (+0.0% QoQ, +80.2% YoY) qua đó tăng tỷ lệ bao phủ nợ xấu lên 107.6% (+19.2% điểm QoQ).

Khuyến nghị NĂM GIỮ, giá mục tiêu 46,900 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị **NĂM GIỮ** đối với cổ phiếu BID. Giá mục tiêu là 46,900 VND/cp, cao hơn 12.1% so với giá tại ngày 20/05/2021.

Năm giữ

Giá mục tiêu VND 46,900

Tăng/Giảm	12.1%
Giá hiện tại (22/03/2021)	VND 41,850
Giá mục tiêu thị trường	VND 34,600
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	168,321

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	4.01%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	127/5.4
Sở hữu nước ngoài (%)	17.15%
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (80.98%)

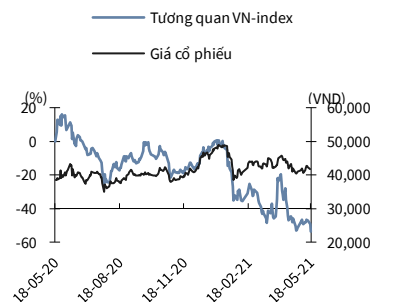
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
BID	-5.0	-7.3	5.0	6.4
VNIndex	2.3	14.2	32.9	65.4

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2019A	2020A	2021F	2022F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	35,978	35,797	41,407	44,646
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	30,864	32,344	37,656	40,945
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	8,368	6,997	10,249	14,795
EPS (VND)	2,081	1,740	2,273	3,050
Tăng trưởng EPS (%)	-3%	-16%	31%	34%
PER (x)	20.8	24.9	19.1	14.2
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	19,307	19,803	19,132	20,740
PBR (x)	2.24	2.19	2.26	2.09
ROE (%)	12.9%	9.2%	12.4%	15.9%
Tỷ lệ cổ tức (%)	1.85%	1.85%	1.85%	1.85%

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

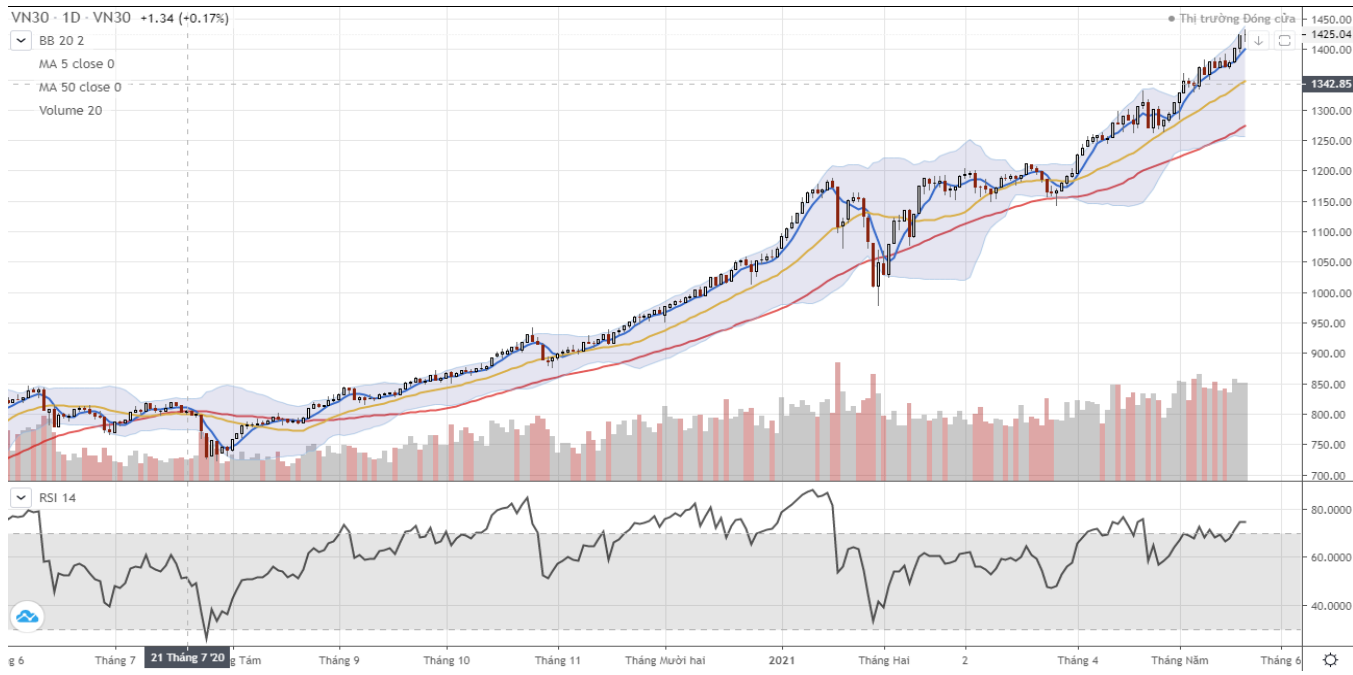
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



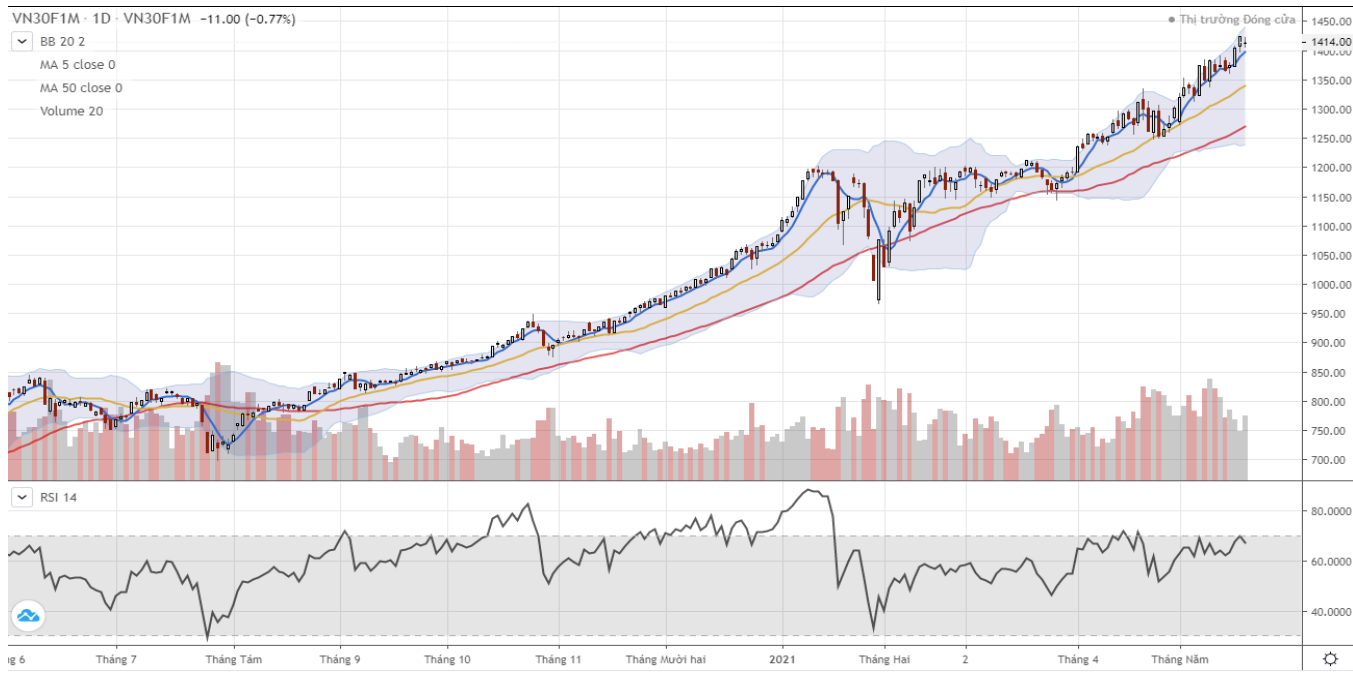
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tiếp đà tăng hưng phấn đầu phiên trước khi diễn biến giằng co về cuối phiên.
- Sau khi chớm vượt đỉnh trong phiên hôm nay, chúng tôi cho rằng chỉ số nhiều khả năng sẽ tiếp tục có thêm nhịp tăng điểm trong phiên kế tiếp trước khi chịu ảnh hưởng và trải qua diễn biến rung lắc khi thử thách vùng kháng cự tâm lý quanh 1300.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục ưu tiên tập trung cho các vị thế ngắn hạn, trải chốt lời một phần đối với các mã tăng vượt đỉnh đạt kỳ vọng và mua trading trở lại khi điều chỉnh về lại hỗ trợ

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1422-1427

Kháng cự gần: 1416-1418

Hỗ trợ gần: 1408-1410

Hỗ trợ xa: 1398-1403

— F1 diễn biến giằng co và tạo mẫu nến trung tính trong phiên hôm nay.

— Với xu hướng chủ đạo vẫn đang là tăng điểm, cơ hội mở rộng đà tăng là hiện hữu trước khi chỉ số tiến lên vùng ảnh hưởng và chịu áp lực rung lắc tại vùng kháng cự kế tiếp quanh 1450.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế LONG tại những vùng hỗ trợ trong phiên.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

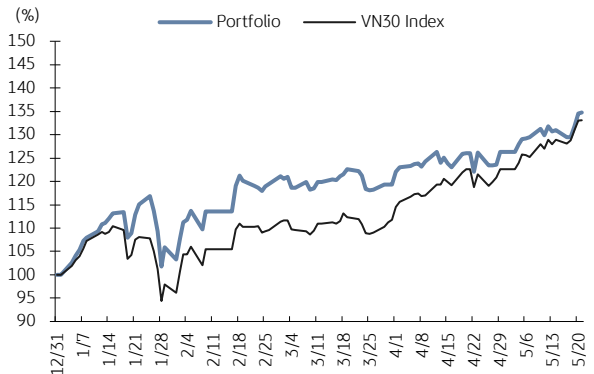
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.01%	0.21%
Tăng lũy kế (YTD)	33.09%	34.75%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 21/05/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	145,400	-3.1%	25.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	37,050	0.4%	51.5%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	101,800	2.5%	32.8%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	34,650	0.4%	103.9%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	58,000	-0.7%	70.6%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	93,800	-1.8%	180.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	48,250	-1.3%	97.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	81,000	0.2%	10.4%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	65,600	-1.5%	235.7%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	32,800	6.8%	139.4%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	1.9%	22.6%	76.0
KDH	2.5%	31.7%	42.4
MSN	-1.5%	32.7%	33.4
MBB	0.4%	22.8%	28.0
OCB	1.4%	20.6%	27.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	1.9%	22.6%	76.0
KDH	2.5%	31.7%	42.4
MSN	-1.5%	32.7%	33.4
MBB	0.4%	22.8%	28.0
OCB	1.4%	20.6%	27.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
THD	0.9%	0.1%	92.8
SHS	-0.9%	8.9%	24.6
VCS	5.6%	4.0%	3.3
IVS	10.0%	74.6%	1.6
PVI	1.5%	54.3%	1.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
ART	-2.0%	3.3%	-25.8
VND	-0.5%	23.0%	-14.9
PLC	1.2%	2.5%	-3.1
BVS	-0.4%	9.7%	-1.8
PAN	1.6%	36.2%	-1.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	9.1%	FPT, SAM
Tài nguyên Cơ bản	5.6%	HPG, HSG
Dịch vụ tài chính	4.7%	SSI, FUEVFNVD
Dầu khí	3.9%	PLX, PVD
Hàng cá nhân & Gia dụng	3.0%	PNJ, TLG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-4.1%	YEG, ADG
Bảo hiểm	-3.6%	BVH, BIC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-3.5%	GAS, POW
Du lịch và Giải trí	-3.2%	VJC, HVN
Xây dựng và Vật Liệu	-2.5%	VGC, ROS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	15.8%	HPG, HSG
Ngân hàng	13.0%	VPB, VPB
Dịch vụ tài chính	11.9%	SSI, VCI
Công nghệ thông tin	10.9%	FPT, ELC
Dầu khí	10.5%	PLX, PVD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-13.0%	ADG, YEG
Du lịch và Giải trí	-11.5%	VJC, HVN
Bảo hiểm	-7.6%	BVH, BIC
Xây dựng và Vật Liệu	-5.4%	VGC, CTD
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-5.4%	GAS, POW

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	110,000	372,067 (16,170)	261,177 (11.3)	22.5	57.0	42.2	14.7	8.1	10.4	4.5	4.0	-0.3	-2.2	-14.4	13.2
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	469,620 (20.4)	26.6	11.1	9.3	35.9	31.2	28.4	3.0	2.3	1.9	6.9	-4.3	16.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	220,298 (9.6)	17.8	24.2	19.4	-7.6	9.3	10.5	2.2	2.0	2.9	-1.0	-12.3	-3.3
	NVL	NO VA LAND INVES	81,500	86,712 (3,768)	282,273 (12.2)	31.3	35.1	26.1	6.7	16.1	14.9	4.4	3.6	-2.6	2.4	26.5	110.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	34,300	19,167 (833)	187,271 (8.1)	11.6	17.5	13.1	18.0	14.6	17.1	2.4	2.0	2.5	0.4	9.5	27.6
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	168,652 (7.3)	13.9	17.6	8.6	-	10.7	18.5	1.6	1.4	4.3	0.0	-5.1	52.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	177,048 (7.7)	6.3	16.8	13.5	11.7	20.6	21.6	3.0	2.6	-2.2	-0.1	-6.0	-1.1
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	146,487 (6.4)	12.7	18.2	13.7	-5.3	12.1	14.8	2.0	1.7	6.9	5.7	3.6	-6.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	796,623 (34.6)	0.0	11.3	9.6	14.3	19.3	18.7	2.0	1.7	1.2	4.4	23.5	61.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	36,800	137,021 (5,955)	811,980 (35.2)	1.4	10.5	9.6	61.1	19.7	19.7	1.8	1.6	-1.3	2.7	14.9	39.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	1,817,009 (78.8)	0.0	13.7	11.5	18.8	19.3	17.5	2.3	1.8	1.5	1.8	37.0	108.6
	MBB	MILITARY COMMERC	26,200	73,327 (3,187)	675,737 (29.3)	0.0	9.2	7.7	14.6	20.1	20.3	1.7	1.4	0.4	5.0	13.6	52.0
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	215,204 (9.3)	4.2	9.3	7.8	23.3	20.4	20.5	1.9	1.6	-0.3	2.2	17.3	34.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	1,182,006 (51.3)	14.0	22.5	13.8	26.5	10.0	12.6	1.7	1.5	-1.9	9.3	28.2	70.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	190,223 (8.3)	0.0	8.2	6.3	37.5	23.5	23.4	1.6	1.3	0.0	3.3	18.7	23.1
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	28,769 (1.2)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-	0.2	-4.6	-3.9
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	47,190 (2.0)	21.0	22.9	19.7	15.2	8.3	9.3	1.9	1.8	0.9	-4.5	-11.2	-19.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	28,189 (1.2)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	-1.1	7.0	12.3	4.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	480,291 (20.8)	55.4	17.4	16.3	-3.2	12.7	12.8	-	-	1.3	10.5	14.4	17.8
	VCI	VIET CAPITAL SEC	55,000	9,108 (396)	140,058 (6.1)	71.9	15.8	-	-4.0	15.5	-	-	-	-0.3	0.5	16.4	26.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	173,430 (7.5)	52.4	17.3	-	-19.0	17.1	-	2.4	-	-2.2	2.3	13.1	15.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	27,500	5,734 (249)	207,927 (9.0)	27.2	-	-	36.3	11.2	-	-	-	-0.4	8.0	22.7	47.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	411,527 (17.9)	42.1	17.5	16.3	4.0	34.3	34.4	5.4	5.0	1.4	-0.3	-10.2	-18.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	32,513 (1.4)	36.9	18.8	15.9	7.3	25.2	26.0	4.2	3.8	-1.2	-3.0	-11.6	-23.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	281,301 (12.2)	16.5	48.6	28.1	-51.9	13.6	19.6	6.4	5.1	-1.5	3.5	6.1	25.9
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	87,850 (3.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	-4.1	-12.1	-27.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	62,344 (2.7)	11.0	54.6	19.3	-88.5	5.2	18.8	3.6	2.9	1.5	-4.4	-14.0	-9.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	105,907 (4.6)	10.8	22.8	16.4	-57.0	8.0	11.2	1.8	1.7	-2.2	6.3	14.0	16.4
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	40,995 (1.8)	38.4	12.0	8.3	65.7	8.8	10.6	1.0	1.0	0.0	-3.4	-11.7	-6.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	227,755 (9.9)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	0.6	-9.3	-12.8	170.8
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	21,600	10,411 (452)	118,657 (5.1)	37.7	22.2	11.7	-12.7	9.9	14.7	-	-	3.5	-1.6	-1.4	12.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	28,085 (1.2)	3.6	10.1	9.2	-52.4	5.0	5.3	0.5	0.5	1.9	-5.6	-22.3	-30.8
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	37,042 (1.6)	0.0	9.9	8.3	-4.5	14.8	12.9	1.3	1.6	-0.7	3.6	11.5	18.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	66,655 (2.9)	46.1	15.3	14.6	-17.5	19.3	19.9	3.0	2.8	0.2	-3.7	-8.0	-6.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	8,817 (0.4)	31.4	-	-	-10.5	-	-	-	-	-0.8	-6.9	-10.3	-23.8
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	11,270 (0.5)	34.1	9.5	9.6	-5.1	12.2	13.4	1.2	1.2	1.7	-13.9	-13.9	-3.5
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	43,850	145,287 (6,314)	1,663,830 (72.2)	18.0	10.7	8.9	21.9	27.9	26.2	2.8	2.5	-1.5	6.8	14.7	58.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	21,340 (0.9)	36.5	10.8	13.0	-0.5	9.0	7.4	0.9	0.9	1.6	-4.4	-3.6	-1.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	40,662 (1.8)	46.5	17.3	17.1	-4.5	9.3	9.0	1.4	1.4	1.2	-3.7	0.0	21.4
	HSG	HOA SEN GROUP	24,900	11,063 (481)	512,996 (22.3)	38.9	6.7	8.0	67.9	28.6	21.5	1.9	1.5	-0.4	3.0	20.1	71.1
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	69,433 (3.0)	97.2	10.0	9.0	17.2	10.3	11.0	0.9	0.9	3.0	-1.6	-12.6	6.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	97,810 (4.2)	4.6	21.8	17.6	-51.0	16.5	17.3	3.1	2.9	5.5	4.7	8.5	5.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	107,254 (4.7)	39.9	33.3	16.0	-11.9	1.5	3.1	0.5	0.5	0.8	-3.0	-10.8	20.4
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	39,722 (1.7)	35.9	8.1	7.4	1.2	13.7	13.9	1.1	1.0	2.8	0.6	-2.6	18.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	156,509 (6.8)	0.0	13.8	11.1	13.7	27.6	27.8	3.4	2.9	-3.1	2.0	2.0	22.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	52,492 (2.3)	0.0	18.5	14.6	2.4	22.7	23.9	4.0	3.3	2.5	8.1	7.8	25.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	4,453 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	6.9	-1.1	-0.5	-52.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	26,452 (1.1)	30.3	19.0	12.2	-75.2	8.9	13.3	1.6	1.5	6.2	-4.3	-12.2	-19.4
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	35,221 (1.5)	34.6	8.5	12.0	41.2	24.4	16.1	2.0	1.9	2.2	-1.7	-5.0	-18.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,365 (0.1)	45.4	16.6	15.4	10.7	20.6	20.5	3.2	2.9	-1.6	-0.5	-2.6	-9.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	201 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.1	0.6	5.9	3.3
IT	FPT	FPT CORP	78,200	61,301 (2,664)	206,245 (8.9)	0.0	18.6	15.7	15.6	24.5	25.7	4.0	3.5	-1.8	10.6	13.1	58.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhthv@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh
anhthp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu
hieunn@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.